

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**RÀ SOÁT VÀ ĐIỀU CHỈNH
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035**

Khoa: MÔI TRƯỜNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 04 Năm 2020

I. Phần 1: Tầm nhìn, Sứ mạng, Mục tiêu

Tầm nhìn

Đến năm 2035, trở thành Khoa có trình độ giảng dạy và ứng dụng các nghiên cứu khoa học ngang tầm với các Khoa Môi trường của các trường Đại học ứng dụng trong khu vực Đông Nam Á trong lĩnh vực công nghệ và quản lý môi trường và tài nguyên, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước và khu vực.

Sứ Mạng

Khoa Môi trường là nơi hội tụ giảng viên và sinh viên tài năng của ngành Tài nguyên – Môi trường và ngành kỹ thuật cấp thoát nước, nơi đào tạo nguồn nhân lực có tri thức chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và chất lượng cao, nơi nghiên cứu, cung cấp dịch vụ và chuyển giao công nghệ và quản lý Tài nguyên – Môi trường và cấp thoát nước.

Là nơi “**Tư duy, hành động và lan tỏa vì Môi trường và Tài nguyên**”.

Đến năm 2025, Khoa Môi trường là Khoa dẫn đầu của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và phong trào sinh viên.

Đến năm 2035, Khoa Môi trường là Khoa ngang tầm với các Khoa đào tạo về Môi trường trong khu vực Đông Nam Á.

Mục Tiêu

Mục tiêu chung: Trở thành Khoa năng động, uy tín và là nơi đào tạo chất lượng nguồn nhân lực về Tài nguyên – Môi trường và Cấp thoát nước được các tổ chức xã hội và doanh nghiệp công nhận.

Mục tiêu (2021-2025): Hoàn thành việc đổi mới sâu sắc phương pháp dạy và học, tăng cường tương tác trong và ngoài hệ thống, phát triển cơ sở vật chất và phát huy năng lực hợp tác quốc tế.

II. Phần 2: Phân tích bối cảnh và thực trạng đơn vị

Khoa Môi trường là Khoa có trên 2.000 sinh viên và 41 giảng viên (2019) gồm: 01 Giáo sư, 03 Phó Giáo sư, 08 Tiến sĩ, 04 giảng viên đang học Nghiên cứu sinh ở nước ngoài (Mỹ, Hàn, Đài Loan, Nhật), 04 nghiên cứu sinh tại Việt Nam, 20 Thạc sĩ và 03 Kỹ sư/Cử nhân (thư ký khoa và Chuyên viên).

Khoa gồm 4 bộ môn, 1 phòng thí nghiệm môi trường và 1 phòng thực hành Cấp thoát nước gồm: Bộ môn Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Bộ môn Cấp thoát nước, Bộ môn Quá trình thiết bị và điều khiển công nghệ môi trường.

Tổng số giờ giảng dạy của toàn Khoa năm học 2018-2019 là 27.029,56 tiết chính quy. Tính bình quân mỗi giảng viên dạy 730 tiết. Khối lượng giảng dạy dư giờ 18.858,95 tiết. Tổng số sinh viên hệ đại học chính quy năm 2019 là 1974 sinh viên so với năm 2018 giảm 128 sinh viên (giảm 3.2 %) gồm 45 lớp và 120 sinh viên hệ liên thông vừa học vừa làm. Ngoài ra, Khoa còn đào tạo 03 lớp Cao học ngành Kỹ thuật Môi trường với 62 học viên.

Tổng số nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (NCKH) của Khoa năm học 2018-2019 là 6.195,6 tiết quy đổi, số tiết vượt so với quy định là 2.858,2 tiết nghiên cứu khoa học. 70% giảng viên của Khoa dư khối lượng NCKH. Khoa hiện đang chủ trì triển khai: 02 đề tài cấp quốc gia; 02 đề tài hợp tác quốc tế (INTENSE và SEA-ASIA); 01 đề tài cấp tỉnh, thành phố; 02 đề tài cấp Bộ; 05 đề tài cấp cơ sở, một GV Khoa được cấp bằng sáng chế và 17 GV/37 GV có báo cáo đăng ký sáng kiến năm 2019.

Bảng 1. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức

Điểm mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none"> + Khoa có đội ngũ giảng viên có trình độ học thuật cao, kinh nghiệm và nhiệt tình trong giảng dạy và công tác chuyên môn. + Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở các chương trình khung của Bộ Giáo dục và đào tạo, phù hợp với thực tế giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể thích ứng nhanh với công việc. + Khoa có thế mạnh về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, giúp giảng viên nâng cao năng lực, tiếp cận kiến thức thực tiễn và hiện đại. + Khoa có nhiều kết quả nghiên cứu được nghiệm thu cấp cơ sở, cấp bộ, cấp dự án trong và ngoài nước, nhiều công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế. + Khoa có một số giảng viên giàu kinh nghiệm tư vấn, thiết kế, tập huấn, giám sát... thường xuyên đóng góp công sức 	<ul style="list-style-type: none"> + Đội ngũ giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học chưa đồng đều, chưa tạo được cân bằng giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học; + Tỷ lệ nhân sự có kinh nghiệm thực tế chưa cao. + Sự phối hợp với các doanh nghiệp chưa thực sự gắn kết và mạnh mẽ; Chưa chuyển giao được nhiều công nghệ hiện đại. + Chưa có sự liên kết mạnh mẽ với các đơn vị bạn trong đào tạo và nghiên cứu. + Chưa chủ động trong các hoạt động gắn kết với cộng đồng vì thiếu kinh phí. + Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học còn thiếu và phần lớn là lạc hậu.

<p>cho công tác bảo vệ môi trường cho Doanh nghiệp, cho chính quyền và người dân TPHCM và trên toàn quốc.</p> <p>+ Có được sự quan tâm xuyên suốt và trực tiếp từ Bộ TN&MT đến nhà Trường trong lĩnh vực quản lý TN&BVMT.</p>	<p>+ Nhà trường không có các kế hoạch hỗ trợ tài chính cụ thể cho các hoạt động của Khoa.</p> <p>+ Các chế độ, quy định, thủ tục và qui trình NCKH chưa thực thi hiệu quả.</p>
Cơ hội	Thách thức
<p>+ Quá trình đổi mới giáo dục đại học, tự chủ đại học là cơ hội để có những điều chỉnh và bổ sung có tính chiến lược về mô hình hoạt động và phát triển của Khoa.</p> <p>+ Hội nhập quốc tế, các dự án hợp tác với nước ngoài là cơ hội lớn để Khoa nâng cao năng lực đội ngũ cũng như cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.</p> <p>+ Cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi thay đổi thích ứng của toàn xã hội, đặc biệt công tác giáo dục.</p> <p>+ Trụ sở mới sẽ đáp ứng nhu cầu phát triển cơ sở vật chất của Khoa.</p>	<p>+ Quá trình đổi mới đặt ra những đòi hỏi khắc khe về trình độ quản lý, trình độ và chất lượng đội ngũ, năng lực tài chính ... một số mặt khoa đang còn thiếu.</p> <p>+ Quá trình tự chủ hóa đại học và hội nhập toàn cầu diễn ra mạnh mẽ trong khi các cơ chế quản lý của nhà trường còn thiếu sẽ dẫn đến những cạnh tranh không công bằng từ các đối thủ trong nước và quốc tế.</p> <p>+ Cải thiện tăng thu nhập người lao động</p> <p>+ Trụ sở mới có được xây dựng kịp thời với triển khai chiến lược thì chiến lược mới khả thi.</p>

Từ phân tích thực trạng điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức bằng mô hình SWOT và từ kết quả rà soát chiến lược khoa năm 2015-2020, cho thấy, để xây dựng Khoa ngày càng phát triển nhằm đạt các tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu đặt ra vào năm 2035, các chiến lược hợp phần sau đây cần được triển khai thực hiện cho giai đoạn 2020 -2025:

- Nhóm chiến lược 1: Chất lượng đào tạo kiểm định đạt tiêu chuẩn của Bộ GDĐT.
- Nhóm chiến lược 2: Phát triển và sử dụng hiệu quả kết quả hoạt động NCKH và HTQT.
- Nhóm chiến lược 3: Phát triển nguồn nhân lực và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất.
- Nhóm chiến lược 4: Phát triển tương tác trong và ngoài hệ thống và tăng cường gắn kết với cộng đồng.

III. Phần 3: Nội dung, kế hoạch chiến lược

III.1 Đào tạo và Kiểm định chất lượng đào tạo:

III.1.1 Mục tiêu

Các chương trình đào tạo của Khoa Môi trường đạt các chuẩn mực quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời chuyển biến sâu sắc tăng cường ứng dụng công nghệ 4.0 và tương tác với người học.

III.1.2 Nội dung và giải pháp thực hiện

(Các giải pháp thực hiện cần được thể hiện trách nhiệm của đơn vị và trách nhiệm hỗ trợ từ nhà trường nếu có)

- Trong trường hợp giải pháp không cần có kinh phí

Các giải pháp	Hoạt động triển khai của đơn vị	Hoạt động hỗ trợ từ Nhà trường
<i>1.1 Tăng cường ứng dụng công nghệ 4.0 và tương tác trong giảng dạy</i>	<p>Tập huấn các giảng viên ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ giảng dạy và chuẩn bị tư liệu giảng dạy như e-book, video clip</p> <p>Xây dựng các học phần, hoặc chương trình đào tạo, tập huấn theo dạng Module hay MOOC</p> <p>Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy và học như đào tạo trực tuyến, online, hay đào tạo từ xa</p> <p>Yêu cầu các CBGD tăng cường sử dụng phần mềm/công cụ hỗ trợ tương tác giữa người học và người dạy trong giảng dạy và kiểm tra bài.</p> <p>Tăng cường sử dụng các kỹ thuật số trong bài giảng (vẽ, thiết kế, mô hình, mô phỏng)</p>	<p>Xây dựng và ứng dụng nền tảng 4.0 trong nhà trường.</p> <p>Hỗ trợ đầu tư và phát triển PTN máy tính và 4.0 của khoa (cấp phòng và hỗ trợ thiết bị).</p>
<i>1.2 Nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên</i>	<p>Tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, quản lý chất lượng đào tạo theo đúng chuẩn đầu ra ở tất cả các bậc đào tạo</p> <p>Tạo môi trường học tập tốt cho sinh viên, thành lập các phòng seminar và trao đổi làm việc nhóm. Nâng cao năng lực tự học, khả năng làm việc độc lập và nhóm cho sinh viên.</p> <p>Duy trì tổ chức sân chơi học thuật qua các chương trình Tương lai xanh, giò trái đất, mùa hè xanh, giải thưởng NCKH.</p> <p>Tăng các nội dung đào tạo kỹ năng mềm và bồi dưỡng tư duy sáng tạo trong nội dung</p>	<ul style="list-style-type: none">- Hỗ trợ Khoa 1 phòng chuyên đề cho sinh viên học nhóm- Hỗ trợ Khoa 1 phòng để làm câu lạc bộ doanh nghiệp-sinh viên- Hỗ trợ kinh phí cho 02 chương trình hoạt động hàng năm.

	<p>các học phần, chiếm tối thiểu 20% về nội dung hoặc điểm đánh giá.</p> <p>Đa dạng hóa môn học ngoại ngữ với các ngoại ngữ khác như Tiếng Nhật, Tiếng Trung, Tiếng Nga... như ngôn ngữ thứ hai.</p> <p>Phát huy các chương trình cấp học bổng khuyến học và hỗ trợ sinh viên trong Khoa.</p>	
<p><i>1.3 Mở rộng quy mô và ngành đào tạo</i></p>	<p>Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình đào tạo tiến sĩ công nghệ kỹ thuật môi trường, thạc sĩ ngành quản lý tài nguyên và môi trường và thạc sĩ kỹ thuật cấp thoát nước.</p> <p>Phát triển định hướng Môi trường và Sức khỏe – mở chuyên ngành đào tạo đại học Môi trường, Sức khỏe và An toàn.</p> <p>Phát triển định hướng Phát triển đô thị thông minh bền vững – mở chuyên ngành Kỹ thuật và Quản lý Môi trường Đô thị ở bậc đại học.</p> <p>Phối hợp với các Khoa khác xây dựng khối kiến thức liên ngành như: Môi trường- công nghệ thông tin, Môi trường- Năng lượng, Cấp thoát nước, công nghệ kỹ thuật môi trường với kỹ thuật hạ tầng.</p> <p>Xây dựng và thực hiện các chương trình giáo dục tiên tiến, dạy và học bằng tiếng Anh.</p> <p>Tăng cường hợp tác với địa phương để mở các lớp đào tạo theo chuyên đề, các ngành theo đặt hàng và tuyển sinh sau đại học.</p>	<p>Cấp kinh phí để Trình Bộ/Ngành phê duyệt các chương trình mở mới của Khoa.</p> <p>Có thực hiện kế hoạch quảng bá cho ngành/chuyên ngành mới.</p>
<p><i>1.4 Chuẩn hóa chất lượng các chương trình đào tạo</i></p>	<p>Hoàn thiện và kiểm định chuẩn đầu ra cho các ngành và các học phần môn học.</p> <p>Tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo.</p> <p>Tổ chức đánh giá nội bộ cho các chương trình đào tạo.</p> <p>Tham gia tổ chức đánh giá ngoài chính thức các chương trình đào tạo theo kế hoạch của Nhà Trường.</p> <p>Định kỳ giám sát việc tổ chức thực hiện đảm bảo chất lượng đào tạo Đại học.</p>	<p>Đăng ký và lấy chứng nhận quản lý chất lượng đào tạo cho các cán bộ chủ chốt.</p> <p>Cấp kinh phí xây dựng chương trình và kiểm định chất lượng chương trình.</p>

- Trong trường hợp giải pháp cần có kinh phí thực hiện

		Nhóm chiến lược I					
Hạng mục	Nội dung	Kinh phí					
		2020	2021	2022	2023	2024	2025
1.1	Hỗ trợ đầu tư và phát triển PTN máy tính và 4.0 của khoa	x	x	x			
1.2	Hỗ trợ kinh phí cho 02 chương trình hoạt động sinh viên hàng năm.	20 triệu	20 triệu	20 triệu	20 triệu	20 triệu	20 triệu
1.3	Biên soạn hồ sơ mở đào tạo tiến sĩ và thạc sĩ	50 triệu/ ngành thạc sĩ	70 triệu/ ngành tiến sĩ				
	Hồ sơ mở chuyên ngành	20 triệu/ chuyên ngành	20 triệu/ chuyên ngành				
1.4	Hồ sơ đăng ký tự đánh giá chương trình đào tạo	50 triệu/ ngành	150 triệu/ 3 ngành				

III.1.3 Các chỉ tiêu thực hiện:

(Chất lượng chương trình, Số lượng chương trình, quy mô đào tạo; phương pháp giảng dạy & kiểm tra đánh giá tích cực, đào tạo tín chỉ; kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả dự kiến đạt được				
		2021	2022	2023	2024	2025
1.1	Tuyển sinh hàng năm					
	Kỹ sư	450	400	400	350	350
	Thạc sỹ	20	20	40	60	60
	Số lượng nghiên cứu sinh	0	0	0	2	2
	VLVH	50	50	50	50	50
1.2	Quy mô đào tạo					
	Kỹ sư	2000	1900	1900	1850	1850
	Thạc sỹ	40	40	80	120	120
	Số lượng nghiên cứu sinh	0	0	0	2	2
	VLVH	100	100	100	100	100
1.3	Số chương trình đào tạo					
	Kỹ sư (ngành + chuyên ngành)	6	6	6	7	7
	Thạc sỹ	1	1	2	3	3
	Tiến sỹ	0	0	0	1	1
	VLVH	3	3	3	4	4
	Chương trình đào tạo kiểm định đạt tiêu chuẩn của Bộ GDĐT	0	3	4	4	5

	Chương trình đào tạo tiên tiến, liên kết	0	0	0	1	1
	Chương trình đào tạo chuyên ngành mở mới	2	3	4	4	4
1.4	Chất lượng đào tạo, học thuật					
	Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ra trường trung bình (%)					
	Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp khá giỏi (%)					
	Tỉ lệ sinh viên có việc làm (6 tháng đầu năm)	70	80	80	85	85
	Số lượng video, bài giảng MOOC hay module tăng so với năm 2019	0	0	2	3	3
	Tỉ lệ % giảng viên sử dụng công nghệ 4.0 hoặc tương tác trong bài giảng	10	10	20	20	20
	Số chương trình, phong trào học thuật của sinh viên	2	2	2	3	3
	Số thành viên câu lạc bộ sinh viên – doanh nghiệp	0	0	20	30	30

III.2 Nghiên cứu khoa học & Hợp tác Quốc tế:

III.2.1 Mục tiêu:

Xây dựng và quảng bá thương hiệu của Khoa qua việc khẳng định vị thế là Khoa chủ lực trong hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế.

III.2.2 Nội dung và giải pháp thực hiện:

(Các giải pháp thực hiện cần được thể hiện trách nhiệm của đơn vị và trách nhiệm hỗ trợ từ nhà trường nếu có)

Các giải pháp	Hoạt động triển khai của đơn vị	Hoạt động hỗ trợ từ Nhà trường
2.1 Tăng cường gắn kết nghiên cứu khoa học và thực tiễn ứng dụng với công tác đào tạo	<p>Đẩy mạnh chất lượng nghiên cứu, hình thành các hướng nghiên cứu chuyên sâu, các trường phái khoa học mạnh của Khoa về: cấp nước, chất thải, mô hình, năng lượng.</p> <p>Hình thành các nhóm nghiên cứu chính: mô hình mô phỏng chất lượng không khí, nước, kỹ thuật xử lý và quản lý chất thải, năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng, kỹ thuật cấp thoát nước, vật liệu môi trường, sức khỏe môi trường, đô thị thông minh.</p> <p>Phát triển một số lĩnh vực khoa học liên ngành phục vụ cho các mục tiêu chiến lược như nghiên cứu các giải pháp về kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.</p>	<p>Nhà Trường duy trì kinh phí mua các thư viện điện tử và tạp chí điện tử chuyên ngành.</p> <p>Nhà trường cấp kinh phí cho các nhóm nghiên cứu tối thiểu 1 đề tài cơ sở/năm.</p>

	<p>Gắn liền nghiên cứu khoa học với đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học, kết hợp nghiên cứu và triển khai ứng dụng, gắn chặt với thực tiễn, đóng góp tích cực vào việc giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra, đặc biệt là các lĩnh vực mà Khoa có thế mạnh.</p> <p>Ký kết hợp tác và thúc đẩy hợp tác R&D với doanh nghiệp.</p>	
<p><i>2.2 Tạo được và công bố các sản phẩm NCKH có tính đột phá và ứng dụng thực tiễn</i></p>	<p>Nâng cao vai trò của Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa, các Giáo sư, Phó giáo sư đầu ngành Tài nguyên-Môi trường.</p> <p>Tích cực tham gia các dự án, đề tài theo đặt hàng của Bộ Tài nguyên và Môi trường, địa phương và các sở ngành.</p> <p>Gia tăng số lượng và nâng cao chất lượng các công trình khoa học công bố, bài báo, giáo trình.</p> <p>Đóng góp tích cực vào công tác tuyên truyền, tham gia các diễn đàn học thuật, xã hội, công tác phản biện, tư vấn hội đồng.</p> <p>Định kỳ tổ chức hội thảo chuyên đề ở Khoa, sinh hoạt chuyên môn ở bộ môn</p> <p>Tích cực đóng góp kết quả nghiên cứu và tham gia các hội thảo quốc tế, trong nước và họp lấy ý kiến tham vấn do Bộ TNMT và các đơn vị tư vấn tổ chức.</p> <p>Tranh thủ các nguồn dự án kinh phí chuyển từ Nhà nước, Bộ TNMT và nhà Trường theo nhiệm vụ NCKH được giao.</p>	<p>Giao nhiệm vụ tối thiểu 2 đề tài cấp Bộ/năm.</p> <p>Giao Khoa nhiệm vụ tham gia tư vấn cho các hoạt động chuyên môn của Bộ TNMT.</p> <p>Xây dựng các chế độ đãi ngộ, khen thưởng cho các cá nhân hay tập thể có các công bố đột phá cho Trường.</p>
<p><i>2.3 Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ và sản phẩm NCKH</i></p>	<p>Xác lập hệ thống đối tác chiến lược trong và ngoài nước.</p> <p>Triển khai hợp tác thông qua các chương trình nghiên cứu, đào tạo phối hợp các nhóm nghiên cứu mạnh.</p> <p>Đẩy mạnh hoạt động phối hợp với doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề trong các nghiên cứu và phát triển, tham gia đồng tài trợ các dự án R&D.</p> <p>Phát triển các hoạt động dịch vụ và tư vấn của Khoa.</p> <p>Xây dựng các đề tài nghiên cứu với các chương trình hỗ trợ NCKH, chuyển giao công nghệ, vườn ươm...ở trung tâm thành phố và các địa phương.</p>	<p>Hỗ trợ kinh phí thành lập và vận hành mạng lưới doanh nghiệp – Nhà trường.</p> <p>Hỗ trợ tổ chức hội thảo ngành nghề hàng năm cho sinh viên và doanh nghiệp.</p> <p>Cấp kinh phí mời các doanh nghiệp về Trường làm seminar và hợp tác.</p>

	<p>Tăng cường hoạt động chương trình thực tập sinh, cộng tác viên nghiên cứu để tiếp cận và phát triển các mối quan hệ.</p> <p>Xây dựng các hoạt động quảng bá (PR), website, truyền thông cộng đồng các thành quả và ứng dụng chuyển giao KHCN.</p> <p>Thành lập câu lạc bộ doanh nghiệp và Nhà trường.</p>	
<p><i>2.4 Tạo được các chương trình/dự án hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu</i></p>	<p>Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong đào tạo, tăng cường các chương trình hợp tác trao đổi CBGD, sinh viên với các đối tác quốc tế chiến lược của Khoa.</p> <p>Thu hút nhiều giảng viên và sinh viên quốc tế tới làm việc và học tập tại Khoa.</p> <p>Tiếp tục thực hiện tốt việc trao đổi sinh viên và giảng viên với các Khoa Môi trường của các trường đại học trên thế giới đã được thiết lập.</p> <p>Phát triển hợp tác với các Trường Đại học Phần Lan và Hội Nước Phần Lan để xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ tiên tiến về kỹ thuật Cấp thoát nước.</p> <p>Tiếp tục triển khai tốt các dự án ERASMUS được tài trợ.</p>	<p>Xây dựng các đãi ngộ và điều kiện làm việc thu hút các giáo sư quốc tế đến giảng dạy và tham gia đồng hướng dẫn luận văn, luận án nghiên cứu sinh, cùng thực hiện các đề án hợp tác nghiên cứu thông qua các chương trình dự án triển khai.</p>
<p><i>2.5 Phát huy hiệu quả các nguồn tài trợ quốc tế để phát triển Khoa</i></p>	<p>Tăng cường nâng cao năng lực và ngoại ngữ cho CBGD thông qua các chương trình hợp tác quốc tế.</p> <p>Xây dựng các trang web, tờ bướm, hay bài viết về các hoạt động dự án quốc tế. Liên kết trang web này với các trang web dự án hay trường Đại học thành viên.</p> <p>Tiếp nhận và phát huy sử dụng hiệu quả các nguồn cơ sở vật chất đã được đầu tư qua các dự án hợp tác quốc tế.</p> <p>Mở rộng hoạt động hướng dẫn sinh viên và nhận sinh viên về Khoa theo chương trình intership của sinh viên quốc tế.</p> <p>CBDG tăng cường tham gia tập huấn của các khóa đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài.</p>	<p>Xây dựng các chế độ đãi ngộ, khen thưởng cho các cá nhân hay tập thể mang dự án về cho Trường.</p>

- Trong trường hợp giải pháp cần có kinh phí thực hiện

Nhóm chiến lược II							
Hạng mục	Nội dung	Kinh phí					
		2020	2021	2022	2023	2024	2025
2.3	Thành lập câu lạc bộ doanh nghiệp và Nhà trường		24 triệu	24 triệu	24 triệu	24 triệu	24 triệu
	Tổ chức hội thao ngành nghề		10 triệu	10 triệu	10 triệu	10 triệu	10 triệu
2.4	Chương trình liên kết với Phần Lan		10 triệu	10 triệu			

III.3.3 Các chỉ tiêu thực hiện:

(Số bài báo khoa học, sáng chế; Đề tài nghiên cứu; Tỷ lệ giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học; sinh viên NCKH; chương trình hợp tác NCKH trong nước, ngoài nước....)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả dự kiến đạt được				
		2021	2022	2023	2024	2025
2.1	Hoạt động NCKH					
	Tỉ lệ (%) số lượng giảng viên hoàn thành khối lượng NCKH	70	70	70	75	75
	Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí ISI , scopus					
	tạp chí chuyên ngành ngành PGS	10	10	15	15	15
	Số giảng viên (đang) chủ trì các đề tài cấp Bộ, Tỉnh	2	2	2	3	3
	Số giảng viên chủ trì các đề tài cấp cơ sở	2	2	2	2	2
	Tỉ lệ (%) giảng viên tham gia các đề tài, dự án của Khoa	20	20	30	30	30
	Số giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo,	1	1	1	2	2
	Số bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, sở hữu trí tuệ	1	1	1	1	1
2.2	Hoạt động hợp tác quốc tế					
	Tổng số dự án quốc tế đang thực hiện	2	2	2	3	3
	Tổng số MoU ký mới so với 2019	0	0	1	1	2
	Tỉ lệ tăng (%) trong tổng tiền tài trợ so với 2019	0	0	10	10	10

III.3 Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực và cơ sở vật chất:

III.3.1 Mục tiêu

Tập thể cán bộ giảng dạy và nhân viên Khoa Môi trường là khối đoàn kết thống nhất, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong công việc và là nơi đào tạo uy tín chất lượng đối với sinh viên, phụ huynh và nhà tuyển dụng.

Tăng tỉ lệ % giảng viên cơ hữu 18% (41-50 người), tỉ lệ % giảng viên cơ hữu là Phó Giáo Sư trở lên là 16% (4 – 8 người), tỉ lệ % giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ là 37% (từ 27 đến 37%). Tỉ lệ tăng cơ sở vật chất từ 100% đến 500% vào cuối năm 2025.

III.3.2 Nội dung và giải pháp thực hiện

(Các giải pháp thực hiện cần được thể hiện trách nhiệm của đơn vị và trách nhiệm hỗ trợ từ nhà trường nếu có)

Các giải pháp	Hoạt động triển khai của đơn vị	Hoạt động hỗ trợ từ Nhà trường
<i>3.1 Phát triển và tăng cường đội ngũ giảng viên cán bộ khoa học trình độ cao</i>	<p>Thực hiện Đề án phát triển đội ngũ cán bộ trình độ cao theo nhóm lĩnh vực, khung năng lực và chuẩn chức danh, phù hợp với tiêu chí của Nhà trường và Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Tập trung nguồn lực phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh gắn liền với các thế mạnh của Khoa.</p> <p>Tăng số lượng giảng viên có học hàm học vị và kinh nghiệm thực tế</p> <p>Tạo điều kiện bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học theo chức danh và quy hoạch.</p> <p>Phát triển các diễn đàn khoa học, hội thảo chuyên môn trong khoa nhằm nâng cao tính phản biện và năng lực tư vấn khoa học của giảng viên</p> <p>Tăng cường sự tham gia của các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước và doanh nghiệp vào các chương trình đào tạo, nghiên cứu, hội thảo của Khoa.</p> <p>Tăng số lượng giảng viên sử dụng ngoại ngữ tiếng Anh thông thạo và khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh.</p>	<p>Mỗi năm cho 2-3 giảng viên khoa tham gia các đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài theo chương trình của Bộ TNMT.</p> <p>Thực hiện chính sách thu hút, khuyến khích và đãi ngộ các nhà khoa học có trình độ cao.</p> <p>Cấp kinh phí mời thỉnh giảng và doanh nghiệp</p> <p>Hỗ trợ kinh phí cho giảng viên học ngoại ngữ.</p>

<p><i>3.2 Tăng cường hiệu quả hệ thống quản trị Khoa</i></p>	<p>Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo Khoa kế thừa.</p> <p>Đảm bảo phát huy quyền chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của từng cá nhân trong Khoa.</p> <p>Tạo dựng môi trường, điều kiện làm việc thân thiện, dân chủ, công bằng, đồng thuận, thuận tiện, thúc đẩy sáng tạo và tự do học thuật.</p> <p>Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng, văn hoá công sở trong Khoa. Nâng cao tính chuyên nghiệp, trách nhiệm và hợp tác khi thi hành công vụ.</p> <p>Thực hiện cải cách và hiện đại hóa công tác hành chính, áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin (mạng xã hội, họp trực tuyến) trong thông báo, triển khai và báo cáo công việc.</p>	<p>Thực hiện cải cách và hiện đại hóa công tác hành chính, áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong mọi hoạt động của Nhà Trường.</p> <p>Cải tạo hệ thống quản lý thông tin, quản lý đào tạo và kê khai khối lượng của nhà Trường.</p>
<p><i>3.3 Tăng cường các điều kiện vật chất đảm bảo chất lượng đào tạo</i></p>	<p>Đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, e-book, bài giảng, tư liệu giảng dạy trực tuyến, xây dựng ngân hàng học liệu đáp ứng được yêu cầu của người học.</p> <p>Xây dựng phòng máy tính chuyên đề phục vụ hiệu quả, để đáp ứng yêu cầu đổi mới trong đào tạo và nghiên cứu bằng kinh phí từ các dự án tài trợ phi chính phủ nước ngoài.</p> <p>Xây dựng phòng studio để sản xuất các bài giảng trực tuyến có chất lượng cao bằng kinh phí từ các dự án tài trợ phi chính phủ nước ngoài.</p>	<p>Đầu tư 6 phòng làm việc cho khoa và các bộ môn.</p> <p>Đầu tư trang thiết bị các phòng thí nghiệm MT thành phòng thí nghiệm trọng điểm.</p> <p>Đầu tư phòng sinh hoạt chuyên đề/ câu lạc bộ doanh nghiệp- nhà trường.</p> <p>Đầu tư xây dựng mới 2 phòng thí nghiệm và 1 xưởng thực hành.</p>
<p><i>3.4 Gia tăng các nguồn lực tài chính</i></p>	<p>Vận động tài trợ học bổng, phần mềm, tư liệu giảng dạy hoặc thiết bị từ các nhà tài trợ, doanh nghiệp và đối tác.</p> <p>Phối hợp với Nhà trường đa dạng hóa các loại hình đào tạo nhằm tăng nguồn thu từ hoạt động đào tạo.</p> <p>Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các chương trình, dự án lớn, đề tài KHCN nhằm thu hút đầu tư của Nhà nước.</p> <p>Tăng cường sự hỗ trợ từ các dự án nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu của các tổ chức tài trợ.</p>	<p>Nhà trường thực hiện chính sách ưu tiên đầu tư cho các phòng thí nghiệm trọng điểm từ ngân sách quốc gia.</p> <p>Xây dựng nguồn quỹ tái đầu tư và ưu tiên mua sắm các thiết bị hỗ trợ đổi mới giảng dạy và sáng tạo trong nghiên cứu khoa học sinh viên.</p>

- Trong trường hợp giải pháp cần có kinh phí thực hiện

Nhóm chiến lược III							
Hạng mục	Nội dung	Kinh phí					
		2020	2021	2022	2023	2024	2025
3.1	Cấp kinh phí mời thỉnh giảng và doanh nghiệp		5 triệu	5 triệu	5 triệu	5 triệu	5 triệu
3.2	Hỗ trợ kinh phí cho giảng viên học ngoại ngữ		2 học bổng	2 học bổng	2 học bổng	2 học bổng	2 học bổng
3.3	Hỗ trợ chi phí vận hành phòng máy tính chuyên đề, mua sắm và bảo trì thiết bị		5 triệu	5 triệu	5 triệu	5 triệu	5 triệu
	Xây dựng mới 2 phòng thí nghiệm trọng điểm						
	Xây dựng xưởng thực nghiệm						

III.3.3 Các chỉ tiêu thực hiện:

TT	Chỉ tiêu	Kết quả dự kiến đạt được				
		2021	2022	2023	2024	2025
3.1	Phát triển nguồn nhân lực					
	Số lượng CBGD cơ hữu	45	45	45	50	50
	Số lượng Giáo sư, Phó giáo sư tăng so với năm 2019 (4)	0	1	1	1	1
	Số lượng tiến sĩ tăng so với năm 2019 (8)	0	1	2	2	3
	Tỉ lệ (%) giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ/tổng số CBGD cơ hữu (27%)	27	30	32	34	37
3.2	Tăng cường cơ sở vật chất					
	Số phòng làm việc thuộc khoa	1	1	1	1	6
	Phòng Thí nghiệm/ thực hành	2	3	3	4	4
	Phòng máy tính	0	1	1	1	1
	Phòng chuyên đề	0	1	1	1	1
	Xưởng thực nghiệm	0	0	0	0	1

III.4 Thông tin truyền thông:

III.4.1 Mục tiêu

Tăng cường tương tác trong và ngoài hệ thống, xây dựng và quảng bá hình ảnh Khoa Môi trường là một trung tâm đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ, ứng dụng và chuyển giao công nghệ và quản lý Tài nguyên và Môi trường có thương hiệu ở trong nước và khu vực Đông Nam Á.

III.4.2 Nội dung và giải pháp thực hiện

(Các giải pháp thực hiện cần được thể hiện trách nhiệm của đơn vị và trách nhiệm hỗ trợ từ nhà trường nếu có)

Các giải pháp	Hoạt động triển khai của đơn vị	Hoạt động hỗ trợ từ Nhà trường
<i>4.1 Tổ chức quảng bá khoa qua các hình thức trang web, mạng xã hội và các sự kiện</i>	<p>Thường xuyên duy trì và cập nhật tin tức hoạt động của Khoa trên trang web, mạng xã hội (fan page, facebook, twitter...).</p> <p>Tích cực xây dựng các hoạt động gắn kết với cộng đồng.</p> <p>Sinh viên Khoa MT tham gia tối đa các hoạt động, sân chơi, cuộc thi liên quan đến ngành Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Phát huy vai trò của Giáo viên chủ nhiệm trong việc định hướng các hoạt động xã hội cho sinh viên.</p> <p>Tổ chức sự kiện kỷ niệm và in kỷ yếu 10 năm dạy đại học của Khoa (2022).</p> <p>Xây dựng thư viện điện tử và ngân hàng cơ sở dữ liệu chuyên ngành cho khai thác sử dụng.</p> <p>Giảng viên gia nhập các trang web Research Gate, hay các webinar của các tổ chức trong nước và quốc tế.</p>	<p>Cải tạo trang web nhà Trường cho phép Khoa có nhiều cấp độ thông tin hơn.</p> <p>Hỗ trợ kinh phí tổ chức kỷ niệm 10 năm và in kỷ yếu.</p> <p>Duy trì việc tạo điều kiện để giảng viên có thể truy cập thông tin của các báo chuyên ngành.</p>
<i>4.2 Xây dựng và phát triển hoạt động tương hỗ với cựu sinh viên</i>	<p>Xây dựng và duy trì mối quan hệ với cựu sinh viên qua các hoạt động đào tạo và hợp tác trong công việc.</p> <p>Xây dựng 1 phần website về hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp trên trang website của Khoa.</p> <p>Thành lập đội quân hành động gồm 03 sinh viên nòng cốt/01 lớp sau tốt nghiệp và duy trì hoạt động tương tác.</p> <p>Tìm kiếm và xây dựng quỹ hoạt động cho hội cựu sinh viên.</p>	<p>Nhà Trường cung cấp cho sinh viên mỗi em 01 account của Trường.</p>

<p><i>4.3 Xây dựng mới và phát triển mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức xã hội</i></p>	<p>Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh và xây dựng thương hiệu cho Khoa tới các doanh nghiệp và tổ chức xã hội, học thuật.</p> <p>Mỗi ngành phải phân công 01 CBGD chuyên trách lo phát triển các mối quan hệ với đối tác bên ngoài.</p> <p>Thành viên nòng cốt tham gia các hội hiệp như Hội nước và Môi trường, Hội liên hiệp Khoa học kỹ thuật TpHCM...</p> <p>Ký kết các hợp tác với doanh nghiệp và tổ chức xã hội.</p> <p>Xây dựng các chương trình R&D với doanh nghiệp, đồng hành với doanh nghiệp, chương trình học bổng hoặc liên kết đào tạo và tuyển dụng nhân sự cho doanh nghiệp.</p>	<p>Có chế độ khen thưởng cụ thể cho mỗi CBGD mang hợp đồng đào tạo và tư vấn về Trường.</p> <p>Nhà trường trở thành thành viên trong mạng lưới các Trường Đại học về Môi trường.</p> <p>Cung cấp kinh phí cho Khoa tham gia là thành viên của các hiệp hội ngành Tài nguyên và Môi trường.</p>
<p><i>4.4 Xây dựng và phát triển mối quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế</i></p>	<p>Nâng cao hiệu quả và mở rộng các mối quan hệ hợp tác quốc tế sẵn có.</p> <p>Cải thiện trang web song ngữ (Tiếng Anh). Tích cực đăng tải các kết quả của hoạt động HTQT.</p> <p>Tìm kiếm các nguồn ngân sách, quỹ tài trợ cho các hoạt động hợp tác quốc tế.</p>	<p>Có chế độ khen thưởng cụ thể cho mỗi CBGD mang các hợp tác quốc tế về cho Trường.</p>

- Trong trường hợp giải pháp cần có kinh phí thực hiện

Nhóm chiến lược IV							
Hạng mục	Nội dung	Kinh phí					
		2020	2021	2022	2023	2024	2025
4.1	Hỗ trợ kinh phí tổ chức kỷ niệm 10 năm và in kỷ yếu.			20 triệu			
	Cấp kinh phí cho hoạt động chương trình tương lai xanh và giờ trái đất	10 triệu	10 triệu	10 triệu	10 triệu	10 triệu	10 triệu
4.3	Thành viên hội Nước và Môi trường		3 triệu	3 triệu	3 triệu	3 triệu	3 triệu
4.4	Thành viên Hội gồm các Khoa đào tạo về Môi trường ở Việt Nam		20 triệu	20 triệu	20 triệu	20 triệu	20 triệu
4.5	Kinh phí phát triển dự án quốc tế		10 triệu	10 triệu	20 triệu	20 triệu	20 triệu
	Kinh phí triển khai và giám sát chiến lược		10 triệu	10 triệu	10 triệu	10 triệu	10 triệu

III.4.3 Các chỉ tiêu thực hiện

(Hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu về ngành; các giải pháp tăng cường công tác quảng bá ngành nghề đào tạo.....)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả dự kiến đạt được				
		2021	2022	2023	2024	2025
4.1	Ứng dụng công nghệ thông tin					
	Số tăng bài và thông tin đăng trên trang web Khoa	5	5	10	10	10
	Kỷ yếu	0	1	0	0	0
	Phòng studio kết nối mạng xã hội	0	1	0	0	0
4.2	Kết nối với cộng đồng					
	Số tổ chức xã hội mà Khoa là thành viên	1	1	2	3	3

	Số lượng chương trình R&D với doanh nghiệp	0	1	2	3	3
	Số lượng chương trình của sinh viên có gắn kết cộng đồng	2	2	2	3	3
	Số lượng sinh viên tham gia chương trình sinh viên gắn kết cộng đồng	100	100	150	200	200
	Số lượng giảng viên tham gia các chương trình tập huấn cho cộng đồng	2	5	5	5	5
4.3	Hội nhập Quốc tế					
	Số trang web các tổ chức quốc tế có gắn với hoạt động của Trường/Khoa.	0	1	1	2	2
	Số SV tham gia tăng qua trao đổi các chương trình hợp tác quốc tế	0	0	10	10	10
	Số sinh viên nước ngoài tham gia học tập/ thực tập sinh với Thầy Cô trong Khoa	0	0	1	2	2
	Số cán bộ GD, NCKH của khoa tham gia NCKH, Giảng dạy ở các cơ sở đào tạo hoặc nghiên cứu nước ngoài	0	0	1	2	2
	Số Cán bộ nước ngoài tham gia hoạt động NCKH, giảng dạy tại Khoa	0	0	1	2	2

IV. Tổ chức và thực hiện chiến lược

1. Biên soạn chiến lược

Ban biên soạn:

- PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà
- PGS.TS. Tôn Thất Lăng

Ban cố vấn góp ý:

- PGS.TS. Nguyễn Đình Tuấn
- PGS.TS. Lê Văn Lữ
- TS. Huỳnh Anh Hoàng
- TS. Bùi Thị Thu Hà
- PGS.TS. Huỳnh Quyền

Ban giám sát đánh giá nội bộ:

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa

2. Các mũi đột phá của thực hiện chiến lược

- Mũi đột phá 1: Tạo chuyên biến tích cực trong phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại và sáng tạo.
- Mũi đột phá 2: Tạo và duy trì liên kết với doanh nghiệp và tổ chức xã hội.
- Mũi đột phá 3: Tăng cường hoạt động hợp tác có phát triển cơ sở vật chất.
- Mũi đột phá 4: Tạo đột phá nguồn nhân lực qua hoạt động của các nhóm nghiên cứu chính.

3. Các nhiệm vụ cốt lõi và lực lượng triển khai nòng cốt

- Xây dựng và triển khai thành công Chương trình đào tạo thạc sỹ Quản lý TNMT, Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng và 02 chương trình chuyên ngành Môi trường, sức khỏe và an toàn, Kỹ thuật và Quản lý môi trường đô thị ((PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà + TS. Nguyễn Lữ Phương + TS. Thái Phương Vũ và bộ môn QLTNMT);
- Xây dựng và triển khai thành công Chương trình đào tạo kỹ sư Kỹ thuật Cấp thoát nước đạt chuẩn kiểm định chất lượng (TS. Nguyễn Huy Cương và bộ môn CTN) và Chương trình đào tạo thạc sỹ Kỹ thuật Cấp thoát nước (TS. Nguyễn Huy Cương, PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà và bộ môn CTN);
- Xây dựng và triển khai thành công Chương trình đào tạo Tiến sỹ ngành công nghệ kỹ thuật môi trường (PGS.TS. Lê Hoàng Nghiêm, PGS.TS. Tôn Thất Lăng, TS. Huỳnh Thị Ngọc Hân và bộ môn KTMT) và Chương trình đào tạo kỹ sư CN KTMT đạt chuẩn kiểm định chất lượng (TS. Huỳnh Thị Ngọc Hân và bộ môn KTMT);
- Xây dựng và triển khai thành công Chương trình đào tạo kỹ sư ngành Quá trình, thiết bị và điều khiển tự động KTMT (TS. Lý Cẩm Hùng và bộ môn QTTB);
- Xây dựng và triển khai các dự án hợp tác quốc tế (PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà + TS. Nguyễn Lữ Phương và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa);
- Xây dựng và triển khai các hoạt động NCKH và chuyển giao (PGS.TS. Tôn Thất Lăng + TS. Thái Phương Vũ và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa);
- Xây dựng thành công network giữa Khoa với các Doanh nghiệp và các tổ chức, đơn vị Tài nguyên- Môi trường (Th.S. Phạm Thị Diễm Phương, Th.S. Lê Thị Ngọc Diễm, Th.S. Nguyễn Văn Súng và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa);

- Xây dựng thành công network với cựu sinh viên và sinh viên (ThS. Nguyễn Thanh Ngân, ThS. Trần Anh Khoa, ThS. Vũ Phượng Thư, Đoàn thanh niên, chi hội sinh viên);
- Xây dựng thành công Công cụ truyền thông, quảng bá cho Khoa, trang web và Thư viện điện tử của Khoa (ThS. Nguyễn Thanh Ngân và mỗi bộ môn 1 GV);
- Biên tập và xuất bản kỷ yếu 10 năm kỷ niệm đào tạo Đại học của Khoa (TS. Bùi Thị Thu Hà, ThS. Nguyễn Thanh Ngân và mỗi bộ môn 1 GV);
- Xây dựng thành công Hệ thống Phòng thí nghiệm Khoa Môi trường, phòng thực hành CTN để đào tạo đại học, cao học, nghiên cứu KH chuyển giao CN (ThS. Bùi Phương Linh, ThS. Nguyễn Ngọc Thiệp);
- Xây dựng thành công phòng máy tính từ kinh phí dự án HTQT (PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà, giao ThS. Nguyễn Thanh Ngân và ThS. Trần Anh Khoa đồng quản lý)

4. Tổ chức thực hiện

1. Khoa sẽ phổ biến sâu rộng nội dung của Chiến lược sau khi thống nhất đến tất cả các bộ phận trong Khoa và toàn thể giảng viên, người lao động, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh. Đồng thời, giới thiệu rộng rãi Chiến lược đến các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước quan tâm phối hợp và hỗ trợ triển khai.
2. Các tổ bộ môn, phòng thí nghiệm, các tổ chức đoàn thể trực thuộc Khoa sẽ xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể hàng năm sao cho đảm bảo thực hiện được các chỉ tiêu KPIs, các mục tiêu, sứ mạng của Khoa. Các kế hoạch hoạt động của các đơn vị được hoàn tất trước cuối tháng hai hàng năm.
3. Lực lượng triển khai nồng cốt chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, đôn đốc, giám sát triển khai và báo cáo kết quả cho Khoa hàng năm.
4. Hàng năm, Khoa tổ chức đánh giá kết quả thực hiện đạt được qua các chỉ tiêu KPIs và mục tiêu đạt được. Đồng thời Khoa sẽ điều chỉnh Chiến lược (nếu cần thiết) cho phù hợp với tình hình thực tế cụ thể của Khoa và góp ý của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa.
5. Sau 5 năm thực hiện, Hội đồng Khoa học của Khoa sẽ rà soát và đánh giá lại các kết quả đã đạt của chiến lược.



PGS.TS. Huỳnh Quyền

Trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Vân Hà

PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà

